

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết công tác năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 ngành tài nguyên và môi trường**

#### **Phần thứ nhất**

#### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021**

Năm 2021 diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước; là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 10 năm 2021 - 2030 và các kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 trong bối cảnh đất nước gặp những khó khăn, thách thức mới gay gắt hơn. Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kinh tế, xã hội gặp nhiều khó khăn, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành bám sát Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ và phương châm **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”** để tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Tiếp tục rà soát, đánh giá thực tiễn, xây dựng Chương trình hành động của ngành thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; trình ban hành chính sách, pháp luật tháo gỡ các vướng mắc, triển khai các giải pháp đột phá để phát huy nguồn lực tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu cho phát triển. Cải cách hành chính tiếp tục được thúc đẩy gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc nhằm tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân. Điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra phù hợp với bối cảnh dịch bệnh, tập trung kiểm tra đột xuất những vấn đề người dân, dư luận quan tâm; giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp. Kết quả cụ thể như sau:

**1. Tập trung giải quyết ngay các vướng mắc, điểm nghẽn để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển; tổng kết đánh giá, hoàn thiện thể chế, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới**

Trước yêu cầu hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế để huy động, quản lý, phân bổ, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, ngành tài nguyên và môi trường đã tập trung tổng kết, đánh giá thực tiễn để hoàn thiện đồng bộ chủ trương, chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường<sup>1</sup> trọng tâm là sửa đổi Luật đất đai, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ

<sup>1</sup>Xây dựng Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác KTTV đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; trình Bộ Chính trị đề án Tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị

với Luật bảo vệ môi trường năm 2020, giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường, cân bằng sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; thiết lập hành lang pháp lý cho kinh tế tuần hoàn, thể chế hóa các cam kết của Việt Nam, huy động sự tham gia của các bên trong ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình phát triển<sup>2</sup>.

Để giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc đặt ra từ thực tiễn về quy hoạch, giao đất, cho thuê đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư, giao khu vực biển, lấn biển, đấu giá khoáng sản, quản lý tài nguyên nước, cơ chế khuyến khích, các chính sách hỗ trợ, các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng quan trọng, phòng chống rủi ro do thiên tai Bộ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **07** Nghị định, **02** Quyết định, **02** Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ; xem xét ban hành **05** Dự thảo Nghị định<sup>3</sup>, Quyết định; ban hành theo thẩm quyền **21** Thông tư. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương, nhất là các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường,...Toàn ngành cũng đã rà soát **440** văn bản liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng và kinh doanh bất động sản xác định **30 văn bản** có nội dung chưa thống nhất, đồng bộ, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp, trên cơ sở đó đề xuất Chính phủ sửa đổi các quy định thuộc thẩm quyền và giải quyết các chồng chéo mâu thuẫn trong dự thảo Luật đất đai (sửa đổi).

Tập trung triển khai xây dựng các chiến lược, quy hoạch, trình Quốc hội quyết định quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử đất quốc gia giai đoạn 2021-2025; trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển ngành KTTV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, quy hoạch sử dụng tài nguyên nước quốc gia và các lưu vực sông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phân bổ hợp lý nguồn lực tài nguyên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, của đất nước, phát triển các ngành, lĩnh vực và các địa phương.

## **2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật, thanh tra kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại ổn định trật tự, chính trị, xã hội trong năm diễn ra các sự kiện trọng đại của đất nước**

---

quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị “về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Tập trung Tổng kết thi hành Luật đất đai năm 2013; Luật Tài nguyên nước, trình Quốc hội đề nghị xây dựng Dự án Luật đất đai vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2022, trình Chính phủ Đề nghị Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); .

2 Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà; 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>3</sup> Nghị định quy định về thể chấp, cho thuê, góp vốn, chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản; bồi thường khi Nhà nước thu hồi khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản vì mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh, Nghị định quy định hoạt động lấn biển; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

Toàn ngành đã chủ động tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, công điện chỉ đạo và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, biện pháp trong quản lý tài nguyên và môi trường<sup>4</sup>. Tăng cường phản ứng chính sách, chỉ đạo hướng dẫn giải quyết kịp thời các vướng mắc của địa phương cơ sở theo quy định của pháp luật; đề xuất hoàn thiện quy định để giải quyết vướng mắc chung.

Thực hiện linh hoạt trong triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra phù hợp với tác động của đại dịch Covid-19, huy động và kết hợp hiệu quả giữa Trung ương và địa phương; tập trung thanh tra đột xuất đối với những vấn đề bức xúc từ thực tiễn nhất là về đất đai theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện xử lý **296** ha đất, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền **37** tỷ đồng.

Tiếp nhận và giải quyết gần 8.000 đơn thư khiếu nại của công dân, giải quyết các kiến nghị của Nhân dân; tập trung lực lượng giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai phức tạp, đông người<sup>5</sup> (giảm **27%** so với năm 2020); quan tâm giải quyết đối với các vụ việc mới phát sinh, đảm bảo ổn định trật tự, chính trị, xã hội ở các địa phương trong năm diễn ra các sự kiện trọng đại của đất nước.

### **3. Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, trong công tác chỉ đạo điều hành, kết nối liên thông giữa các ngành, các cấp**

Bộ đã ban hành Chương trình chuyển đổi số của ngành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2022 và giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch triển khai cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trong năm 2021 thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ và các nhóm dịch vụ công thiết yếu theo đánh giá của Liên Hợp quốc được Thủ tướng Chính phủ giao; Kế hoạch thực hiện lưu trữ điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021-2025 và Danh mục mã định danh điện tử các đơn vị thuộc Bộ phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương và hệ thống thông tin nội bộ.

Triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, dịch vụ, ứng dụng Chính phủ điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, quản trị, làm việc của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, ngành tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, trực tuyến<sup>6</sup>; kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin của Chính phủ, với các CSDL quốc gia, của các bộ, ngành qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Triển khai các ứng dụng thông minh trong công tác quản

<sup>4</sup> Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, số 22/CT-TTg ngày 11/08/2021 về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, số 31/CT-TTg ngày 24/11/2021 về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

<sup>5</sup>; tiếp **137** lượt công dân với 192 người, trong đó có 11 lượt đoàn đông người<sup>5</sup>. Xử lý **2.466** lượt đơn, có 1.294 lượt đơn không đủ điều kiện xử lý (chiếm 52,47%) và **1.172** đơn đủ điều kiện xử lý tương ứng với 1.172 vụ việc

<sup>6</sup> Gồm: Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử; Hệ thống thông tin báo cáo ngành tài nguyên và môi trường; Trung tâm chỉ đạo điều hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hệ thống họp trực tuyến; Hệ thống tương tác trong chỉ đạo điều hành giữa Bộ với các Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương; Hệ thống một cửa điện tử, Công Dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý khoa học và công nghệ; Hệ thống hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo ngành tài nguyên và môi trường; Hệ thống thư điện tử; Cổng thông tin điện tử; ...

lý, bảo vệ môi trường.

Đến nay, các địa phương đều đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, trong đó có **216** đơn vị cấp huyện đưa vào sử dụng, cập nhật phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công; hoàn thành việc lập **8,63** triệu hồ sơ địa chính điện tử, số hóa thông tin địa chính của **42.984** thửa đất.

#### **4. Các nguồn tài nguyên được quản lý chặt chẽ, phân bổ và sử dụng hiệu quả cho phát triển đất nước**

##### ***4.1. Quy hoạch phân bổ quỹ đất đảm bảo cho thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, giải quyết hiệu quả tình trạng lãng phí tài nguyên đất đai***

Tập trung nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn sửa đổi Luật đất đai năm 2013. Trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025<sup>7</sup> đáp ứng mục tiêu đảm bảo quỹ đất cho thực hiện các mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhanh và bền vững; phân bổ hợp lý đất đai cho các ngành, các địa phương phù hợp tiềm năng, thế mạnh và với yêu cầu phát triển; đáp ứng yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển văn hóa xã hội, bảo vệ các hệ sinh thái, an ninh lương thực; cải tạo, phục hồi diện tích đất bị thoái hóa gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, khai hoang, lấn biển.

Các địa phương đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện<sup>8</sup>; thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích hơn **20 nghìn ha** trong năm 2021 đáp ứng yêu cầu về đất đai cho tập trung triển khai các dự án hạ tầng, phát triển hệ thống đô thị, nhà ở, thu hút, đón nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh phục hồi, phát triển kinh tế sau đại dịch Covid-19. Khai hoang phục hóa, đưa vào sử dụng gần **11** nghìn ha đất chưa sử dụng. Thực hiện cấp **0,5** triệu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu, thực hiện gần **6** triệu thủ tục đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận.

Tình trạng lãng phí đất đai được quan tâm chỉ đạo, rà soát, xử lý, đến nay cả nước đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, rà soát, thu hồi chủ trương đầu tư, thu hồi đất với diện tích **16 nghìn ha**; yêu cầu đưa vào sử dụng gần **53 nghìn ha**; chấm dứt chủ trương đầu tư **7,7 nghìn ha**. Cơ bản hoàn thành rà soát, cắm mốc ranh giới đất nông, lâm trường ở **45/45** địa phương<sup>9</sup>. Vương mắc về thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng được giải quyết đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư. Nguồn thu từ đất đến ngày 21/12/2021 đạt **172,25** nghìn tỷ đồng, chiếm **15,2%** tổng thu ngân sách nội địa cao gấp 3,5 lần năm 2015.

##### ***4.2. Tập trung triển khai công tác điều tra cơ bản, lập quy hoạch, quản lý,***

<sup>7</sup> Được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

<sup>8</sup> Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>9</sup> Đến nay, đã có **45/45** tỉnh, thành phố đã cơ bản hoàn thành công tác rà soát, cắm mốc ranh giới đất nông, lâm trường (cắm được 61.692 mốc với 37.071 km), cơ bản hoàn thành nhiệm vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính (1.434.392 ha).

### ***sử dụng bền vững, hiệu quả tài nguyên nước***

Để thực hiện giải pháp tổng thể đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia trong bối cảnh **63%** lượng nước xuất phát từ bên ngoài lãnh thổ, toàn ngành đã tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp:

Triển khai Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025, Quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tập trung xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, Sê San, SrePok, Cửu Long và các lưu vực sông liên tỉnh; điều hòa, phân phối các hoạt động khai thác, sử dụng đảm bảo cân bằng giữa nhu cầu về tài nguyên nước cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từng vùng, từng địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh, gắn với bảo vệ môi trường với khả năng cung ứng của tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Tổng kết đánh giá việc thi hành Luật tài nguyên nước để tiếp tục hoàn thiện tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, quản lý, bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia. Hướng tới quản trị tài nguyên nước hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

Thực hiện giám sát việc vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, đến nay 100% đã được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hàng ngày. Công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện, theo đó, ban hành Danh mục giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu 555 hồ chứa, đập dâng của 511 công trình thủy lợi, thủy điện. Đã có 41/63 tỉnh phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Nguồn thu từ tài nguyên nước ước đạt khoảng 5.900 tỷ đồng.

Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng thể về đối sách trong chia sẻ nguồn nước sông Mê Công; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác về quản lý nguồn nước xuyên biên giới thông qua hợp tác Mê Công và Mê Công - Lan Thương.

### ***4.3. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản; tăng cường điều tra, nghiên cứu địa chất phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cảnh báo thiên tai***

Hoàn thành, trình Bộ Chính trị đề án Tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đề xuất các chủ trương, chính sách phát huy giá trị địa chất, tài nguyên khoáng sản cho phát triển đất nước. Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đảm bảo mục tiêu dự trữ khoáng sản chiến lược, khai thác hiệu quả quỹ đất khu vực dự trữ; hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và các Nghị quyết chỉ đạo thực hiện cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017- 2020 nhằm cung cấp kịp thời

nguyên liệu cho dự án; Nghị quyết về gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19.

Đến nay, đã hoàn thành lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền diện tích 242.445 km<sup>2</sup> (đạt **73,19** % diện tích đất liền) và tỷ lệ 1:100.000 đến 1:500.000 trên diện tích hơn **244.000 km<sup>2</sup>** vùng biển độ sâu 0-100m. Kết quả đã phát hiện, điều tra sơ bộ hàng trăm điểm khoáng sản các loại, khoanh định nhiều khu vực có tiềm năng, triển vọng để chuyển sang giai đoạn đánh giá xác định tài nguyên. Bước đầu đã phát hiện các cấu trúc thuận lợi, những tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản như quặng đất hiếm trong vỏ phong hóa ở vùng Tây Bắc, Trung Bộ; khoáng sản kim loại ẩn sâu vùng Tây Bắc; xác định các dấu hiệu của hoạt động kiến tạo, đứt gãy, trượt lở nhằm cảnh báo thiên tai.

Tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về khoáng sản lần thứ 8 và các Hội nghị liên quan; Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về khoáng sản với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc lần thứ 14 (14<sup>th</sup> ASOMM+3). Toàn ngành đã phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản với tổng số tiền gần **1.600** tỷ đồng, **08** Quyết định tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước đã đầu tư với tổng số tiền hơn **22** tỷ đồng. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính), tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách Nhà nước là **4.589** tỷ đồng<sup>10</sup>.

#### ***4.4. Tăng cường công tác điều tra tài nguyên, môi trường biển; quy hoạch không gian biển, phát huy tiềm năng, lợi thế cho phát triển các ngành kinh tế biển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn***

Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; trình Chính phủ Nghị định quy định về thế chấp, cho thuê, góp vốn, chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển của tổ chức, cá nhân được giao để nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ, bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi khu vực biển vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng; Nghị định về hoạt động lấn biển. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy chế phối hợp quản lý Chương trình trọng điểm về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030; Đề án “Việt Nam chủ động tham gia đàm phán và xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về chống rác thải nhựa đại dương”; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 24/11/2021 về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Triển khai lập Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 kết nối hành lang kinh tế ven biển, gắn kết phát triển với các địa phương không có biển. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030; chuẩn bị các điều kiện tiếp nhận, quản lý và

<sup>10</sup> Trong đó, các Quyết định do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành là 2.904 tỷ đồng; các Quyết định do UBND cấp tỉnh ban hành là 1.685 tỷ đồng

sử dụng tàu nghiên cứu khoa học biển do Nhật Bản trao tặng.

Các vùng biển, các địa phương có biển đã trở thành khu vực phát triển năng động, thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo động lực phát triển, mở cửa, hội nhập quốc tế, hình thành và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp gắn với hình thành chuỗi đô thị ven biển.

Hợp tác quốc tế được triển khai tích cực ở các cấp, các ngành với nhiều đối tác, đa dạng về hình thức và trải rộng trên các lĩnh vực, góp phần nâng cao năng lực quản lý, khai thác, sử dụng biển, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

### **5. Xây dựng đồng bộ hệ thống chính sách, pháp luật giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, hoàn thành các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường**

Hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách, pháp luật về môi trường thống nhất với Luật bảo vệ môi trường năm 2020<sup>11</sup>. Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ các chiến lược bảo vệ môi trường đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050<sup>12</sup>; chiến lược bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước ở Việt Nam. Xây dựng Đề án kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học giai đoạn 2021-2031, tầm nhìn đến năm 2040. Tập trung đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo chất lượng xây dựng các QCVN trong lĩnh vực môi trường.

Toàn ngành đã tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình xử lý, tái chế chất thải rắn, quản lý rác thải nhựa. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý tại khu vực đô thị đạt khoảng **94,71%** (cao hơn so với chỉ tiêu Quốc hội giao 89%), tại khu vực nông thôn đạt khoảng **83%**. Nhiều địa phương đã thực hiện mô hình xử lý rác thải theo hình thức đốt rác phát điện thay cho chôn lấp và đang triển khai **08** dự án với công suất xử lý **11.100** tấn/ngày, công suất phát điện đạt **157MW**. Tỷ lệ CTNH được xử lý đạt **85%**, đến nay, **117** cơ sở xử lý CTNH trên toàn quốc đã được Bộ TN&MT cấp phép. Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt **13%** (tăng **05%** so với năm 2016). Công nghiệp tái chế, xử lý rác thải, nước thải tăng **3%** so với năm 2020, đóng góp 0,1 điểm phần trăm cho tăng trưởng. Tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống nước thải tập trung đạt **90,69%** (tăng **13,34%** so với năm 2016) trong đó, số lượng khu công nghiệp đã đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đạt **90,9%** (tăng **62,7%** so với năm 2016). Tỷ lệ tro xỉ được tái sử dụng đạt trên **50%**.

Công nghệ hiện đại được ứng dụng trong công tác bảo vệ môi trường với **1.600** trạm quan trắc tự động kiểm soát 80% số lượng các cơ sở có nguy cơ cao về ô nhiễm để hoạt động hiệu quả đóng góp cho tăng trưởng. Các ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai trong quản lý môi trường<sup>13</sup> quản lý dữ liệu, giám sát các số liệu quan trắc môi trường trên toàn quốc. Cả nước đã hoàn thành xử lý triệt để **370/435** cơ sở

<sup>11</sup>Trình Chính phủ ban hành các Nghị định: số 54/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021 quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường; số 55/NĐ-CP ngày 24/5/2021 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và xem xét ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)

<sup>12</sup> Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược Đa dạng sinh học giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>13</sup>Ứng dụng VN air trên thiết bị di động để công bố thông tin chỉ số chất lượng môi trường không khí (VN AQI) cho cộng đồng và Ứng dụng Envisoft dùng cho cơ quan quản lý để theo dõi, giám sát các nguồn thải.

gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đạt **85%**; số xã đạt tiêu chí chuẩn nông thôn mới về môi trường đạt **62%**. Tỷ lệ các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có xu hướng giảm 4% so với năm 2020. Tỷ lệ người dân quan ngại về môi trường giảm từ **8,85%** năm 2019 xuống còn **4,03%**. Toàn ngành đã thực hiện tốt công tác bảo vệ, phát triển **11** khu dự trữ sinh quyển, **172** khu bảo tồn trên cạn, **16** khu bảo tồn biển; bảo vệ nguồn gen, hệ động thực vật đặc hữu. Các chỉ số về bảo vệ môi trường đã đóng góp quan trọng đưa chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam ở vị trí **51/165** quốc gia và vùng lãnh thổ tăng 37 bậc so với năm 2016<sup>14</sup> (vị trí 88).

## **6. Thúc đẩy thu hút đầu tư xã hội hóa cho hiện đại hóa mạng lưới quan trắc, dự báo; nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai**

Bộ đã tập trung xây dựng Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; chủ trì phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn.

Làm tốt công tác dự báo KTTV thực hiện dự báo thời tiết, thủy văn chi tiết đến các huyện, thị trên cả nước; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo KTTV, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, chủ động kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

Đã theo dõi và dự báo kịp thời 09 cơn bão, 03 áp thấp nhiệt đới (ATNĐ); 18 đợt không khí lạnh (có 02 đợt rét đậm ở Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế), 11 đợt nắng nóng và 27 đợt mưa lớn trên diện rộng; 15 đợt lũ trên phạm vi cả nước; thực hiện tốt công tác dự báo phục vụ Quy trình liên hồ chứa cho 11 lưu vực sông trên toàn quốc; thực hiện các bản tin dự báo xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long mùa khô năm 2020-2021 phục vụ công tác phòng chống thiên tai và sản xuất nông nghiệp; thực hiện đầy đủ công tác dự báo phục vụ đổ ả vụ Đông Xuân năm 2020-2021 qua đó giảm thiểu được nhiều thiệt hại, trong đó: thiệt hại về người giảm **54%**, thiệt hại về tài sản giảm **78%** so với trung bình 10 năm vừa qua.

## **7. Xây dựng hành lang pháp lý, chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu; đề xuất chủ trương, quyết sách mạnh mẽ thúc đẩy chuyển dịch mô hình tăng trưởng**

Trước các tác động ngày càng cực đoan, khó lường của biến đổi khí hậu, ngành đã chủ động tham mưu cho Chính phủ các giải pháp mang tính chiến lược về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật, thiết lập hành lang pháp lý cho công tác quản lý nhà nước, triển khai các hành động để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu<sup>15</sup>.

<sup>14</sup>Năm 2016 là năm đầu tiên Liên hợp quốc xếp hạng Phát triển bền vững (SDG) cho toàn cầu.

<sup>15</sup>Hoàn thiện trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn và các văn bản hoàn thiện hành lang pháp lý về ứng phó với biến đổi khí hậu; các dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu



Chủ động nắm bắt xu thế toàn cầu, kịp thời tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tham gia các sáng kiến, tuyên bố chính trị, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam với cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực trong giải quyết thách thức lớn của toàn cầu tại Hội nghị COP26. Qua đó, mở ra nhiều cơ hội chuyển dịch mô hình tăng trưởng, tiếp cận tri thức, công nghệ, tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng.

Tập trung hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam; Chương trình Hỗ trợ thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu. Triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước, trong đó gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các địa phương đã tích cực xây dựng các mô hình ứng phó thông minh hiệu quả với BĐKH, đặc biệt là các mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai trong điều kiện BĐKH; nuôi trồng thủy sản ven biển ứng phó với BĐKH; chủ động phòng tránh, giảm nhẹ tác hại thiên tai, thích ứng với BĐKH, công trình thí điểm ứng phó với BĐKH như nhà đa năng, kênh mương thủy lợi kết hợp với giao thông nông thôn phục vụ tránh lũ, tránh bão; xây dựng kè và trồng rừng chống cát bay, chắn sóng tại các huyện ven biển; hệ thống canh tác nông nghiệp thích ứng trên đất nhiễm mặn trong điều kiện BĐKH vùng ven biển; công trình đê, đập cục bộ để giải quyết xâm nhập mặn, nước biển dâng gây ngập lụt, góp phần ngọt hóa đất sản xuất nông nghiệp; thí điểm gây bồi, tạo bãi, trồng, phục hồi rừng ngập mặn ven biển ứng phó với BĐKH...

#### **8. Tích cực, chủ động tham gia các nhiệm vụ quản lý biên giới, địa giới; tập trung hiện đại hóa thông tin địa lý quốc gia; ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ quản lý, giám sát tài nguyên, môi trường**

Phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức khảo sát xác định hướng đi của đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tại một số khu vực của các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc; phối hợp với Ủy ban Biên giới quốc gia thực hiện bàn giao và tập huấn sử dụng bản đồ biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia tỷ lệ 1:25.000 cho các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia; xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ chuẩn Việt Nam - Lào. Phối hợp với Bộ ngoại giao xây dựng Đề án tổng thể giải quyết biên giới trên đất liền tuyến biên giới của 16% tồn đọng báo cáo Thường trực Chính phủ trình Bộ Chính trị. Triển khai thực hiện và bàn giao kỹ thuật các sản phẩm của Dự án “Hiện đại hóa hệ thống độ cao Vương quốc Campuchia” giai đoạn II cho phía bạn, kịp thời đưa vào khai thác sử dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Campuchia. Triển khai xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, kịp thời cung cấp dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000 và các tỷ lệ nhỏ hơn phục vụ công tác lập quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh của các Bộ, ngành, địa phương; cung cấp trực tuyến dữ liệu nền địa lý,

bản đồ địa hình quốc gia phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai dự án “Xây dựng cơ sở viễn thám quốc gia” và các dự án “Giám sát xói lở bờ biển tại một số khu vực trọng điểm miền Trung bằng công nghệ viễn thám”, “Xây dựng Trạm dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh” thuộc khuôn khổ hợp tác ASEAN - Ấn Độ. Thu nhận dữ liệu viễn thám quang học có độ phân giải cao (VNREDSat-1. SPOT6/7 ) phủ trùm lãnh thổ Việt Nam tại Đài Viễn thám Trung ương đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh cho các Bộ, ngành và địa phương.

### **9. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập, chủ động tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác, đóng góp các sáng kiến quốc tế bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ**

Bộ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chủ động đề xuất với Chính phủ tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế, diễn đàn hợp tác đa phương, song phương về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Năm 2021, mặc dù chịu sự tác động của đại dịch Covid-19, nhưng các hoạt động hợp tác, hội nhập quốc tế tiếp tục được mở rộng; tổ chức thành công nhiều sự kiện hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường và khí hậu. Nhiều văn kiện hợp tác, sáng kiến toàn cầu quan trọng đã được Bộ tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua đó góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác về tài nguyên và môi trường.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường trong điều kiện, bối cảnh hội nhập. Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho việc thực hiện các quy trình công việc đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp quốc gia theo đúng mục tiêu, định hướng, kế hoạch.

### **10. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, cải cách hành chính, đáp ứng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp**

Toàn ngành đã thực hiện tổng kết đánh giá hiệu quả hoạt động đối với mô hình tổ chức của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết của Trung ương<sup>16</sup>, việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; cơ chế tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Bộ đã xây dựng trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ trong nhiệm kỳ Chính phủ Khóa XV, thực hiện nhất quán nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm, giảm giao thoa, chồng chéo, giảm tối đa tổ chức trung gian, sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công

<sup>16</sup>Các Nghị quyết số:18-NQ/TW,19-NQ/TW;Nghị quyết số 08/NQ-CP; Các Nghị định số: 101/2020/NĐ-CP, 120/2020/NĐ-CP, 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP.

lập; kiện toàn các tổ chức phối hợp liên ngành do Bộ làm cơ quan thường trực; xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2022. Ban hành Thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở TN&MT, Phòng TN&MT; xây dựng quy định, hướng dẫn về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm trong lĩnh vực TN&MT<sup>17</sup>. Ban hành các quy định để đánh giá lãnh đạo, công chức, viên chức dựa trên các chỉ số về kết quả, đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, cá thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân.

Các địa phương đã kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường đảm bảo thống nhất quản lý của ngành, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Cải cách hành chính được toàn ngành ưu tiên tập trung đẩy mạnh ngay từ những năm đầu thực hiện kế hoạch với trọng tâm là cải cách thể chế, hiện đại hóa nền hành chính và tăng cường kỷ luật kỷ cương công vụ. Chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm đối với các thủ tục về môi trường để rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, thích ứng linh hoạt với các tác động của đại dịch Covid-19. Cắt giảm gần **40%** TTHC, giảm thời gian thực hiện các TTHC **từ 20-85** ngày đối với các thủ tục về môi trường. Toàn ngành đã rà soát, đề xuất bãi bỏ, đơn giản hóa **153/178** (đạt **85%**) thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh<sup>18</sup>; chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm được khi thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa là **131,6** tỷ đồng/năm, chiếm tỷ lệ **21,9%** trên tổng chi phí tuân thủ quy định TTHC.

Bộ đã thực hiện cung cấp 100% thủ tục hành chính trên môi trường mạng; trong đó có 86 DVC mức độ 4, đạt tỷ lệ ~ 80,4% (trong đó kết nối liên thông 01 DVC đến địa phương và 07 DVC với Hệ thống Một cửa quốc gia. Đã tích hợp, cung cấp 40 thủ tục (47 DVCTT mức độ 3, 4 trong đó 17 DVCTT mức độ 4, đạt tỷ lệ ~ 36,2%) trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Thực hiện kết nối Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ với Nền tảng thanh toán của Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Các địa phương từng bước chuyển dịch mô hình dịch vụ công sang thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm<sup>19</sup> tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, với nhiều giải pháp hiệu quả, liên thông thủ tục, rút ngắn thời gian, đáp ứng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Trung bình mỗi năm cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, cấp huyện tiếp nhận và giải quyết hơn **6,4 triệu** thủ tục hành

<sup>17</sup> Thông tư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở TN&MT thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng TN&MT thuộc UBND cấp huyện; (2) Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức chuyên ngành TN&MT, định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính ngành TN&MT; (3) Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu theo hạng chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực TN&MT; (4) Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực TN&MT; (5) Thông tư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành TN&MT, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên.

<sup>18</sup> Cụ thể từng lĩnh vực: đất đai: 12/17 TTHC, chiếm 70,5%; địa chất và khoáng sản: 28/32 TTHC, chiếm 87,5%; tài nguyên nước: 27/32 TTHC, chiếm 84,3%; khí tượng thủy văn: 08/08 TTHC, chiếm 100%; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo: 25/25 TTHC, chiếm 100%; đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý: 01/03 TTHC, chiếm 33%; môi trường 52/62 TTHC, chiếm 83,87% (bãi bỏ + sửa đổi).

<sup>19</sup> Có 60/63 kiện toàn văn phòng đăng ký một cấp trong đó 03 tỉnh, thành phố là Long An, Lâm Đồng, Bình Dương tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 33 tỉnh, thành phố, 22 tỉnh, thành phố tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

chính; tỷ lệ trả hồ sơ đúng hạn đạt trung bình trên **95%**. Có **61/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện liên thông thủ tục đất đai với các tổ chức tín dụng trong thanh toán nghĩa vụ tài chính kết nối tới Cổng dịch vụ công quốc gia để thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên môi trường điện tử.

Những chuyên biến thực chất trong kỷ luật, kỷ cương và cải cách hành chính được đánh giá qua chỉ số hài lòng của người dân doanh nghiệp đối với thủ tục đất đai và môi trường tăng **4,14%** so với năm trước, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sự phiền hà trong thực hiện thủ tục hành chính giảm **7%**, phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai giảm **4%** (theo báo cáo PCI), Bộ Tài nguyên và Môi trường xếp thứ 5 trong số các Bộ, ngành về chỉ số cải cách hành chính.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Kết quả đạt được

Năm 2021 với đầy khó khăn thách thức nhưng với sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội, chỉ đạo điều hành sâu sát của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành, đặc biệt là nỗ lực, quyết tâm vào cuộc của các địa phương, của toàn ngành với phương châm **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”** đến nay, toàn ngành đã đạt được những chỉ tiêu cơ bản đặt ra trong năm 2021, đóng góp trực tiếp, quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô, trong đó: (1) Tháo gỡ những vướng mắc thể chế để phát huy nguồn lực tài nguyên trong phát triển kinh tế xã hội, nút thắt về quỹ đất đai được giải quyết, vướng mắc về nguyên liệu khoáng sản cho sản xuất từng bước được tháo gỡ thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công các dự án hạ tầng quan trọng, bình ổn thị trường vật liệu xây dựng; bảo vệ nguồn nước, phòng chống hạn hán; nguồn thu ngân sách từ đất đai đạt gần **15,2%** ngân sách nội địa; nguồn thu từ khoáng sản đạt **4.589** tỷ đồng; nguồn thu từ tài nguyên nước đạt khoảng **5.900** tỷ đồng; (2) Cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được thúc đẩy với **95%** số thủ tục hành chính được trả kết quả đúng hạn; **61/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện liên thông thủ tục đất đai với các tổ chức tín dụng trong thanh toán nghĩa vụ tài chính giúp cắt giảm thời gian chi phí tuân thủ thủ tục cho người dân, doanh nghiệp; (3) Kinh tế biển, tiềm năng lợi thế của các vùng biển, các địa phương có biển được phát huy đã trở thành khu vực phát triển năng động, thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo động lực phát triển, mở cửa, hội nhập quốc tế, hình thành và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp gắn với hình thành chuỗi đô thị ven biển; (4) Hoàn thành chỉ tiêu Quốc hội giao về tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý tại khu vực đô thị đạt khoảng **94,71%** (cao hơn so với chỉ tiêu Quốc hội giao **89%**). Các mô hình xử lý rác thải theo hình thức đốt rác phát điện thay cho chôn lấp được triển khai ở nhiều địa phương; **80%** cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao được kiểm soát vận hành đóng góp cho tăng trưởng. (5) Nâng cao độ chính xác trong công tác dự báo, tiệm cận với trình độ các nước tiên tiến trong khu vực, thế giới; sai số dự báo trung bình bão trong các thời hạn trước 24, 48, 72 giờ lần lượt trong khoảng 80-120km, 120-200km, 200-300km, giảm hơn **54%**, thiệt hại về người, **78%** thiệt hại về tài sản so với trung bình 10 năm vừa qua; (6)

Thiết lập các nền tảng hạ tầng số cho xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (kết nối với 216 với cơ sở dữ liệu địa chính của 216 đơn vị cấp huyện, dữ liệu của hơn 42 triệu thửa đất; dữ liệu siêu viễn thám, dữ liệu thông tin địa lý; công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ giúp nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp; (5) Xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật, thiết lập hành lang pháp lý cho quản lý, triển khai các kế hoạch để chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu<sup>20</sup>. Việt Nam đã khẳng định thông điệp mạnh mẽ tới tất cả bạn bè quốc tế về trách nhiệm, chủ động, tích cực trong tham gia xử lý một trong những thách thức chung lớn nhất của toàn cầu tại COP26. Qua đó, chủ động tận dụng các cơ hội hỗ trợ về tài chính, công nghệ và thu hút các dòng vốn đầu tư vào hạ tầng về biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình sản xuất, công nghệ và phát triển năng lượng tái tạo; (6) Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp qua khảo sát của các tổ chức độc lập tăng trong năm qua: chỉ số hài lòng của người dân doanh nghiệp đối với thủ tục đất đai và môi trường tăng **4,14%** so với năm trước, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sự phiền hà trong thực hiện thủ tục hành chính giảm **7%**, phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai giảm **4%** (theo báo cáo PCI); tỷ lệ người dân quan ngại về môi trường giảm từ **8,85% năm 2019** xuống còn **4,03%**; số lượng đơn thư, khiếu kiện giảm **27%** trong năm qua.

## 2. Tồn tại, hạn chế và thách thức

Tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, không thống nhất, không đồng bộ giữa pháp luật về quản lý tài nguyên với các pháp luật khác, một số quy định chưa theo kịp sự vận động của thực tiễn, chưa đủ rõ gây khó khăn cho tổ chức thực hiện ở địa phương và làm giảm hiệu lực, hiệu quả các quy định của pháp luật.

Việc tổ chức thực thi pháp luật chưa hiệu quả; chưa quyết liệt mặc dù pháp luật đã có quy định cụ thể và theo phân cấp thẩm quyền cho ủy ban nhân dân; cùng một quy định nhưng có địa phương làm tốt, có địa phương làm chưa tốt.

Tình trạng lãng phí tài nguyên như: đất đai của các dự án chậm đưa vào sử dụng, để hoang hóa, đất của các nông lâm trường, các dự án bị dừng thực hiện sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; tài nguyên khoáng sản còn bị khai thác trái phép, chưa được chế biến sâu để mang lại hiệu quả kinh tế cao; tài nguyên nước còn sử dụng lãng phí, hiệu quả sử dụng tài nguyên nước còn thấp so với các nước trong khu vực nhất là trong nông nghiệp. Tiềm năng về kinh tế biển chưa được phát huy đầy đủ. Khiếu kiện liên quan đến bồi thường có xu hướng giảm so với trước đây nhưng vẫn chiếm tỷ lệ lớn.

Thách thức về an ninh nguồn nước đang là vấn đề lớn trong bối cảnh lượng nước sinh ra ở phần lãnh thổ Việt Nam chỉ chiếm khoảng 37% (310-315 tỷ m<sup>3</sup>/năm), nhu cầu về nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất sẽ tăng nhanh. Trong năm 2021, và đầu năm 2022 có nguy cơ xảy ra khô hạn, thiếu nước cục bộ ở khu vực đồng bằng

<sup>20</sup>Hoàn thiện trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn và các văn bản hoàn thiện hành lang pháp lý về ứng phó với biến đổi khí hậu; các dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu

sông Hồng.

Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đặt ra yêu cầu phải thực hiện các cam kết về môi trường; do đó cần có lộ trình để nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường; lộ trình chuyển đổi công nghệ các cơ sở sản xuất lạc hậu gây nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Sự gia tăng của chất thải, khí thải, nước thải áp lực lớn lên vấn đề môi trường sẽ chưa giảm trong thời gian ngắn.

Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo. Tình trạng thiếu nước, hạn hán, thiên tai sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Để thực hiện các nỗ lực ứng phó với BĐKH cần nguồn lực đầu tư rất lớn. Để giảm phát thải khí nhà kính đến 27% vào năm 2030 so với kịch bản phát triển thông thường, Việt Nam cần bổ sung vốn đầu tư ban đầu khoảng 68,8 tỷ USD. Để thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, Việt Nam cũng cần thêm khoảng 35 tỷ USD, trong đó có các khu vực nhạy cảm, chịu nhiều tác động của BĐKH.

## Phần thứ hai

### CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2022

#### I. BỐI CẢNH VÀ CÁC THÁCH THỨC

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Dự báo tình hình quốc tế và trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng vẫn còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa trở lại nền kinh tế. Bên cạnh đó, tình trạng biến đổi khí hậu, thiên tai, suy giảm hệ sinh thái tự nhiên đang trở thành tình trạng khẩn cấp trên toàn cầu. Các quốc gia ngày càng quan tâm thúc đẩy tăng trưởng xanh, thương mại điện tử, phát triển kinh tế số, phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi nghề, chuyển dịch cơ cấu năng lượng là cơ hội cho những nước đi sau. Ở trong nước, nỗ lực trong giải quyết tháo gỡ ngay các nút thắt, điểm nghẽn, rào cản về thể chế, quy hoạch, cải cách hành chính trong năm 2021 cùng với đẩy mạnh đầu tư công cho xây dựng hệ thống hạ tầng khung mang triển vọng lớn trong thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển, phục hồi sau đại dịch.

Trong bối cảnh đó ngành tài nguyên và môi trường đặt quyết tâm cao, thực hiện phương châm **“Kỷ cương, trách nhiệm, đổi mới, an toàn, linh hoạt, hiệu quả”** với 06 trọng tâm ưu tiên gồm: (1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế về quản lý tài nguyên, tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; (2) Thúc đẩy chuyển đổi số trên nền tảng tài nguyên số, dữ liệu lớn; (3) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu lực hiệu quả thực thi pháp luật, thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm minh các vi phạm, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi

trường; (4) Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, giải phóng các nguồn lực tài nguyên cho phát triển đất nước, từng địa phương, công khai, minh bạch, bình đẳng giữa các chủ thể trong tiếp cận tài nguyên; (5) Triển khai hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường, đảo ngược xu thế suy thoái về môi trường, các hệ sinh thái; phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong thập kỷ mới; (6) Nâng cao hiệu quả công tác dự báo, triển khai các giải pháp đột phá chủ động tận dụng các cơ hội hỗ trợ về tài chính, công nghệ và thu hút các dòng vốn đầu tư vào hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình phát triển và chuyển đổi năng lượng.

## II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ

### 1. Mục tiêu

Phân đầu hoàn thành các mục tiêu đặt ra:

(i) Trình Quốc hội dự án Luật đất đai (sửa đổi), Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổng kết đánh giá lập đề nghị sửa đổi Luật khoáng sản; ban hành các văn bản dưới Luật giải quyết các vướng mắc đặt ra từ thực tiễn.

(ii) Hoàn thành việc lập và phê duyệt các quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành; kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030.

(iii) Đơn giản hóa 10-15% thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ thủ tục trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 với các thủ tục đủ điều kiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 90%-100% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và được tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 63/63 tỉnh thành phố kết nối liên thông thủ tục thanh toán nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế, tổ chức tín dụng.

(iv) Đưa vào vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường trọng tâm là cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất, tập trung, kết nối liên thông giữa các ngành, cổng thông tin địa lý quốc gia, dữ liệu quan trắc, điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường.

(v) Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường; thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, nhũng nhiễu trong quản lý tài nguyên và môi trường; giải quyết căn bản tình trạng lãng phí đất đai, tài nguyên; chỉ số hài lòng của người dân doanh nghiệp đối với thủ tục đất đai và môi trường tăng 5-6%, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sự phiền hà trong thực hiện thủ tục hành chính giảm 7-10%.

(vi) Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, nguồn thu từ đất đai chiếm **12% - 15%** thu ngân sách nội địa; chỉ số “đăng ký đất đai” và “chất lượng quản lý hành chính đất đai” tăng 1 bậc.

(vii) Cải thiện các chỉ số thành phần môi trường; **91%** khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; **90%** chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; **30%** rác thải sinh hoạt được xử lý

theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp.

(viii) **80%** hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến; **100%** các giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước được cập nhật, quản lý, theo dõi thống nhất từ trung ương đến địa phương vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ TN&MT (khoảng gần 30.000 giấy phép); khoảng **600** hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập.

(ix) **50%** số trạm quan trắc khí tượng thủy văn được tự động hóa để từng bước hình thành mạng lưới quan trắc KTTV hiện đại và tự động hoàn toàn, kết nối, chia sẻ số liệu với các nước trong khu vực, trên thế giới; 100% thiên tai bão, lũ, được giám sát, dự báo, cảnh báo kịp thời, đủ độ tin cậy; hình thành mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn kết nối trong lưu vực sông Mê Công; tăng cường năng lực giám sát môi trường, khí tượng thủy văn.

(x) **28%** diện tích vùng biển được điều tra cơ bản ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000 tài nguyên, môi trường biển; **70%** diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản ở tỷ lệ 1:50.000; trên **50%** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành điều tra tài nguyên đất.

(xi) Hoàn thành xây dựng các tiêu chí phát triển bền vững về môi trường, biến đổi khí hậu, đại dương làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện.

## 2. Các giải pháp đột phá

Để góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 ngành tài nguyên và môi trường đặt quyết tâm chủ động vượt qua thách thức, biến thách thức thành cơ hội. ***Toàn ngành xác định các khâu đột phá để tăng tốc phát triển là:***

(1) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, trình Quốc hội Luật đất đai sửa đổi, Luật Tài nguyên nước sửa đổi; tiếp tục tháo gỡ các nút thắt, điểm nghẽn trong quy định của pháp luật, xây dựng hệ thống quy hoạch đồng bộ để giải phóng, phát huy các nguồn lực tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát, đề xuất phân cấp 20% TTHC theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Xây dựng các nền tảng hạ tầng số, đưa vào vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường. Chỉ đạo điều hành về tài nguyên và môi trường; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

(3) Nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật và thanh tra, kiểm tra, giải quyết những vấn đề bức xúc từ thực tiễn. Tập trung rà soát, giải quyết các vướng mắc, xử lý tình trạng lãng phí đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh, các dự án có vướng mắc sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...trên phạm vi cả nước giải phóng nguồn lực đất đai, tài nguyên cho phát triển. Thay đổi tư duy, phương thức quản lý bảo vệ môi trường, tiếp cận theo hướng toàn dân để tổ chức thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2020. Tận dụng các cơ hội từ thỏa thuận tại COP26 về



biến đổi khí hậu hỗ trợ về tài chính, công nghệ và thu hút các dòng vốn đầu tư vào hạ tầng về biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình sản xuất, công nghệ và phát triển năng lượng tái tạo.

### **III. CÁC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2022**

**1. Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH.**

Xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật Đất đai (sửa đổi) tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ đồng bộ, thống nhất để quản lý, sử dụng có hiệu quả, phát huy nguồn lực đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh vận hành các quan hệ đất đai theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, chuyển sang nền hành chính phục vụ, hiện đại lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm. Thúc đẩy các giao dịch về quyền sử dụng đất, phát triển thị trường bất động sản công khai, lành mạnh. Giải quyết hiệu quả tình trạng lãng phí, thất thoát, khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai; đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền lợi của người sử dụng đất, nhất là đối với người được Nhà nước giao đất nông nghiệp, đối tượng dễ tổn thương; đời sống, việc làm cho người có đất thu hồi.

Trình Quốc hội Dự án Tổng kết thi hành Luật quản lý tài nguyên nước và Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, trong quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên nước, bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia; hướng tới quản trị tài nguyên nước hiện đại, hiệu quả.

Trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổng kết đánh giá và lập hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản.

Ban hành các văn bản dưới Luật giải quyết ngay các vướng mắc đặt ra từ thực tiễn qua rà soát, đánh giá của các địa phương. Ban hành hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn tiệm cận các nước tiên tiến trong khu vực. Cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tiếp tục phân cấp thẩm quyền đi đôi với kiểm tra giám sát, kiểm soát việc thực thi. Thực hiện thí điểm một số chủ trương chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thực hiện phân cấp thẩm quyền, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành ngay trong xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, thực thi phương án đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhất là trong lĩnh vực đất đai, môi trường cho người dân, doanh nghiệp.

Tập trung xây dựng hoàn thành các Quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia đồng bộ, phân bổ hợp lý, phát huy các nguồn lực tài nguyên trong tầm nhìn

dài hạn, đảm bảo không gian sinh tồn, sinh thái và không gian phát triển, tăng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

## **2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi, thượng tôn pháp luật; tập trung thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí, các hành vi nhũng nhiễu trong thực thi công vụ**

Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong thực thi, hoàn thiện chính sách, pháp luật. Thiết lập hệ thống theo dõi đánh giá việc quản lý sử dụng tài nguyên; thực hiện đánh giá xếp hạng chỉ số bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

Chuyên hoạt động thanh tra, kiểm tra từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Tập trung thanh tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ để giải quyết tình trạng nhũng nhiễu, hành dân gây bức xúc trong dư luận; dự án được giao đất nhưng chậm đưa vào sử dụng, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; tổ chức được giao đất, cho thuê đất có nguồn gốc đất công; việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; hoạt động đầu giá khoáng sản, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; việc quản lý, sử dụng các mỏ khoáng sản đã hết hạn khai thác theo giấy phép; việc xả nước thải vào nguồn nước.

Thiết lập các kênh thông tin (đường dây nóng, thư điện tử, hệ thống hỏi đáp,...) Nhân dân theo dõi, đánh giá, phản hồi về công tác quản lý tài nguyên và môi trường ở từng địa phương và chất lượng dịch vụ công của ngành. Phối hợp tốt trong việc xây dựng, triển khai kế hoạch thanh tra hàng năm, thiết lập cơ chế trao đổi thông tin để khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp giữa Bộ, ngành và địa phương trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ; chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành khác và các địa phương trong giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

## **3. Xây dựng tài nguyên số, hạ tầng số, thực hiện chuyển đổi, phát triển kinh tế số ngành tài nguyên và môi trường**

Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các nền tảng dùng chung của Bộ hạ tầng cho ứng dụng công nghệ thông tin và chỉ đạo điều hành về tài nguyên và môi trường. 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); các báo cáo, chỉ tiêu thống kê của ngành được thực hiện kết nối, cập nhật theo thời gian thực từ cấp xã đến Trung ương tích hợp, liên thông phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương.

Tập trung xây dựng tài nguyên số với các nền tảng dữ liệu lớn của ngành trong đó tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu nền địa lý

quốc gia, cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, dữ liệu siêu viễn thám và điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường.

Xây dựng, mở rộng cung cấp dịch vụ định vị chính xác phát triển hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia (NSDI) thu nhận, quản lý, phân tích, xử lý, cung cấp các thông tin, số liệu quan trắc, điều tra, đo đạc theo thời gian thực để triển khai các ứng dụng thông minh, tự động hóa, từng bước chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường.

#### **4. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, phát huy các nguồn lực tài nguyên cho phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch**

##### ***4.1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát huy tối đa nguồn lực đất đai trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng***

Triển khai hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Tập trung rà soát tình trạng lãng phí đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh, các dự án có vướng mắc sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...trên phạm vi cả nước lập các tổ công tác liên ngành của Trung ương và địa phương xử lý, giải quyết đưa quỹ đất vào sử dụng hiệu quả, giải phóng nguồn lực cho phát triển kinh tế, góp phần ổn định chính trị, xã hội.

Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, chỉ số “đăng ký đất đai” và “chất lượng quản lý hành chính đất đai”. Đưa vào vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất, đa mục tiêu; tập trung nguồn lực đầu tư, thống nhất chỉ đạo để trong 3 năm tới hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, một trong 6 cơ sở dữ liệu quốc gia trong phát triển chính phủ điện tử. Kết nối liên thông thực hiện thủ tục hành chính về đất đai với cơ quan thuế, tổ chức tín dụng. Tăng cường kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng đất đai tại một số địa phương; chủ động, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư, báo cáo, kịp thời đề xuất giải quyết đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

##### ***4.2. Nâng cao vai trò quản lý, giải quyết hài hòa các mục tiêu khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước và bảo đảm an ninh nguồn nước***

Triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và các lưu vực sông Bằng Giang-Kỳ Cùng; sông Sê San và sông SrePôk, Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng-Thái Bình và Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025. Hoàn thành và vận hành hệ thống theo dõi, giám sát việc khai thác sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước trên phạm vi toàn quốc. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng thể về an ninh tài nguyên nước, đề xuất các giải pháp trữ nước thông qua các giải pháp phi công trình. Tập trung triển khai, thực hiện việc cấp phép và cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước

mặt, nước dưới đất, trong đó trọng tâm là các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu. Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông. Quan trắc, theo dõi, chia sẻ thông tin về các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở ngoài biên giới phía thượng nguồn lưu vực sông Hồng, sông Mê Công. Đề xuất và triển khai các chủ trương, đối sách trong chia sẻ tài nguyên nước xuyên biên giới.

**4.3. Quản lý chặt chẽ, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản; tăng cường điều tra địa chất phục vụ quy hoạch kinh tế - xã hội, phát triển không gian ngầm, giảm nhẹ tác động tai biến địa chất trong điều kiện biến đổi khí hậu**

Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai: (1) Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (2) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trình đề nghị dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi, bổ sung). Hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung việc khoanh định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định Nghị định số 51/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Nghiên cứu, điều tra môi trường địa chất và tai biến địa chất để trên cơ sở đó dự báo các nguy cơ tai biến địa chất như sạt lở, sụt lún, động đất đánh giá tiềm năng tài nguyên từng loại, nhóm khoáng sản quan trọng, di sản địa chất, công viên địa chất. Dự báo nhu cầu, tập trung điều tra, đánh giá tiềm năng các loại khoáng sản chiến lược nhanh chóng đưa kết quả điều tra khoáng sản, phát hiện các mỏ mới vào đầu giá.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhất là đối với công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế; thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; kiên quyết xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản và môi trường.

**4.4. Triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, điện gió ngoài khơi, khai hoang, lấn biển.**

Tập trung hoàn thành Quy hoạch không gian biển quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển.

Triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, hành lang kinh tế ven biển, điện gió ngoài khơi, khai hoang, lấn biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển; nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên biển. Mở rộng

diện tích, thành lập mới các khu vực bảo tồn biển. Thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra đối với các dự án giao khu vực biển để nhận chìm và thực hiện các dự án điện gió.

### **5. Tập trung triển khai Luật Bảo vệ môi trường, chặn đứng xu thế gia tăng ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất môi trường, đảo ngược xu thế suy giảm của hệ sinh thái; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong thập kỷ phát triển bền vững**

Tập trung triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 tiếp cận theo hướng toàn dân. Quy định chi tiết danh mục dự án xanh, tiêu chí, điều kiện xác định dự án xanh và việc xác nhận dự án xanh; hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn. Thực hiện phân vùng môi trường, nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý dựa trên giấy phép môi trường. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các dự án xanh, công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường, các ngành kinh tế sử dụng dịch vụ sinh thái; đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình tuần hoàn, ít phát thải.

Thực hiện sàng lọc loại trừ các dự án công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều tài nguyên, tiêu hao năng lượng, có nguy cơ ô nhiễm từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư; chủ động kiểm soát kiểm soát các nguồn thải, quản lý, bảo vệ môi trường chặn đứng xu thế suy thoái. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải; tập trung quản lý môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm hóa chất tồn lưu, thuốc bảo vệ thực vật, các bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa, các khu vực bị ô nhiễm dioxin do chiến tranh; áp dụng chế tài xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch từng bước phục hồi môi trường, các hệ sinh thái. Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương ở các đô thị lớn; kiểm kê, kiểm soát, di dời các nguồn ô nhiễm, nâng cao quy chuẩn khí thải từ phương tiện giao thông; đảm bảo quy chuẩn quy hoạch cây xanh, không gian công cộng trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các thành phố lớn.

Thúc đẩy phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư xử lý, tái chế chất thải với mô hình công nghệ phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường thay cho lấp trực tiếp. Xác lập, công nhận, quản lý và bảo vệ môi trường đối với các di sản thiên nhiên; thực hiện chương trình, kế hoạch phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái; bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm.

### **6. Hiện đại hóa công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu phục vụ phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai; triển khai các giải pháp đột phá triển khai kết quả Hội nghị COP26**

Triển khai đưa Chỉ thị 10-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác KTTV đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược phát triển ngành KTTV đến năm 2030 đi vào cuộc sống; khẩn trương chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực KTTV, ưu tiên trọng tâm cho việc rà soát, hoàn thiện

Hệ thống phần mềm dữ liệu tập trung KTTV (CDH) giúp tăng cường khả năng dự báo, cảnh báo KTTV phục vụ phòng chống thiên tai, phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng an ninh; rà soát mạng lưới, hệ thống thông tin, dữ liệu để bảo đảm hoạt động thông suốt của toàn Hệ thống dự báo, cảnh báo KTTV Quốc gia, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ cho mùa mưa bão năm 2022; cơ bản hoàn thành Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu chủ động các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi, chủ động tận dụng các cơ hội hợp tác, tiếp cận các dòng tài chính, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và đón đầu các dòng vốn đầu tư xanh vào hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng phục vụ chuyển đổi mô hình phát triển.

Xây dựng và triển khai đề án về những nhiệm vụ, giải pháp đột phá triển khai kết quả Hội nghị COP26 về biến đổi khí hậu. Xây dựng Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 với lộ trình phù hợp thực hiện mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon.

Tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy giảm nhẹ phát thải và chuyển đổi năng lượng nhằm thực hiện kết quả Hội nghị COP26; điều tra khảo sát quy hoạch phát triển điện gió ngoài khơi gắn với Quy hoạch không gian biển quốc gia; áp dụng các công cụ định giá các-bon, bao gồm thuế các-bon và phát triển thị trường các-bon trong nước.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với BĐKH; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thích ứng cho các khu vực dễ bị tổn thương trước những rủi ro, tác động của biến đổi khí hậu.

## **7. Hiện đại hóa hạ tầng không gian địa lý; ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường**

Hoàn thiện hiện đại hóa hệ thống độ cao quốc gia, trình phê duyệt phương án xác định ranh giới hành chính trên biển của các địa phương, hoàn thành Dự án “Hiện đại hóa hệ thống độ cao Vương quốc Campuchia” giai đoạn II vào quý II năm 2022. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án “Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia” để cung cấp dịch vụ dữ liệu không gian địa lý cho các Bộ, ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Tổ chức bàn giao dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000 cho địa phương để khai thác, sử dụng.

Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, phát triển nông nghiệp, quản lý, giám sát nguồn nước xuyên biên giới, giám sát về môi trường biến động diện tích đất rừng, biển, hải đảo, các khu vực có nguy cơ sạt lở, giám sát khai thác mỏ trái phép... Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ: giám sát biển, đảo, diễn biến vùng ô nhiễm, vùng nước thải từ các khu công nghiệp, đô thị nhằm đưa ra cảnh báo các vùng có nguy cơ ô nhiễm

vùng kinh tế trọng điểm ven biển; Giám sát xói lở bờ biển tại một số khu vực trọng điểm miền Trung bằng công nghệ viễn thám. Cung cấp dữ liệu viễn thám quang học có độ phân giải cao (VNREDSat-1, SPOT6/7) phủ trùm lãnh thổ Việt Nam đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh cho các Bộ, ngành và địa phương.

#### **8. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nghiên cứu khoa học, hợp tác, hội nhập quốc tế**

Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc Bộ; thực hiện phân cấp thẩm quyền hợp lý gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Trung ương. Chuyển đổi mạnh mẽ mô hình quản lý theo hướng phục vụ người dân, doanh nghiệp, kiến tạo cho phát triển. Đào tạo, cập nhật thường xuyên kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học đầu ngành, chú trọng tăng cường năng lực quản lý cho cán bộ các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức của ngành; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính. Thực hiện cơ chế đấu thầu đặt hàng trong nghiên cứu khoa học, đảm bảo hiệu quả thực tiễn, nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm khoa học, công nghệ.

Xây dựng chiến lược hợp tác tổng thể với các đối tác song phương và đa phương về vực tài nguyên và môi trường. Tăng cường hợp tác tiếp cận các công nghệ tiên tiến trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và xử lý môi trường, đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết các vấn đề mang tính chất đa ngành/lĩnh vực và liên vùng, xuyên biên giới như: thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, chống xói lở bờ sông, bờ biển, giám sát xâm nhập mặn, kiểm kê trữ lượng các bon mặt đất, tính toán phát thải khí nhà kính,...

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét một số nội dung sau:

**1.** Chỉ đạo rà soát, xử lý kịp thời những mâu thuẫn, chông chéo trong quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường và các pháp luật có quy định liên quan. Quan tâm ưu tiên nguồn lực xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, đất đai; đề án đo đạc, cấp GCN, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các huyện biên giới; đề án sắp xếp đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia; công tác điều tra cơ bản. Cho phép thí điểm một số cơ chế huy động nguồn lực cho hiện đại hóa, tăng dày mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, trạm ra đa, mạng lưới quan trắc, hệ thống đo mưa,...nâng cao chất lượng phân tích, dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai.

**2.** Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tập trung rà soát tình trạng lãng phí đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh, các dự án có vướng mắc sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...trên phạm vi cả nước lập các tổ công tác liên ngành của Trung ương và địa phương xử lý, giải quyết đưa quỹ đất vào sử dụng hiệu quả, giải phóng nguồn lực cho phát triển kinh tế, góp phần ổn định chính trị, xã hội.

3. Chỉ đạo tập trung triển khai các nhiệm vụ giải pháp tận dụng các cơ hội từ thỏa thuận tại COP26 về biến đổi khí hậu hỗ trợ về tài chính, công nghệ và thu hút các dòng vốn đầu tư vào hạ tầng về biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình sản xuất, công nghệ và phát triển năng lượng tái tạo./.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**